

# Người Thiếu Phụ Trong Mưa Phùn Giữa Núi Rừng Việt Bắc

*Đoàn Trọng Hiếu*

Viết để tưởng nhớ quý chiến hữu đã gục chết trong lao tù Cộng Sản, và cũng để tuyên dương những người vợ lính VNCH, đặc biệt là *chị quả phụ* của cố **Đại úy CSQG Trần Thiên Thọ Hải**.

Cuối năm 1977, tình hữu nghị anh em xã hội chủ nghĩa giữa Cộng Sản Ta và Cộng Sản Tàu đã trở nên tồi tệ. Đài phát thanh Hà Nội, cái loa tuyên truyền của Cộng Sản Ta đã không còn ra rả phát đi lời tuyên bố của tên Thủ Tướng Đổng “vẫu”. Trước kia, nào là “tình hữu nghị Việt-Trung muôn đời bất diệt” nào là “tình hữu nghị Việt-Trung như răng với môi, môi hở thì răng lạnh”, v.v..

Vì sau khi cưỡng chiếm được miền Nam, các tên lãnh đạo Cộng Sản Ta đã ngả theo Nga, mà quên đi cái ơn của Cộng Sản Tàu trong những năm chiến tranh “anh bộ đội cụ Hồ” đã được Cộng Sản Tàu trang bị cho từ chân lên đến đỉnh đầu, từ đôi dép râu làm bằng lớp xe đến cái nón cối đội trên đầu, thậm chí là cả cái bát ăn cơm, anh bộ đội chỉ có duy nhất “cụ Hồ” là của chính anh. Để trừng trị thằng đàn em cứng đầu vong ơn bội nghĩa, Tàu Cộng liền cho tên Miên Cộng Polpôt quậy phá ở biên giới phía Nam. Nhưng tên Miên này không làm nên chuyện, nên Tàu Cộng đã dàn quân dọc biên giới phía Bắc để chuẩn bị cho Cộng Sản Ta bài học số một, và như vậy là răng đã cắn sứt môi. Lo sợ khi Cộng Sản Tàu đánh xuống, anh em tù phía Quốc Gia đang bị giam giữ tại các tỉnh phía Bắc như Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ, v.v. sẽ tìm cách trốn sang biên giới phối hợp với lực lượng ly khai của Hoàng Văn Hoan đang được Tàu Cộng ủng hộ, nên gần cuối năm 1977 bọn Việt Cộng đã chuyển anh em tù xuống dần phía Nam đến các trại Vinh Quang hay Tân Lập thuộc tỉnh Vĩnh Phú hoặc các trại Hà Tây hay Nam Hà (Đầm Đùn, Ba Sao) gần Hà Nội.

Tình hình sức khỏe anh em khi còn ở các trại do quân đội Việt Cộng quản lý đã tồi tệ, thì nay càng tồi tệ hơn dưới sự hà khắc dã man của bọn Công An, mà anh em tù quen gọi là bọn “Chó Vàng”, tiêu chuẩn ăn uống thì bị cắt xén ăn bớt. Mỗi bữa ăn chỉ được một thìa cơm với hai khúc sắn tươi, hoặc gần chục lát sắn khô hay một chén sắn đuôi (loại sắn được nạo thành sợi hay xắt thành cục phơi khô), vài muống canh đại dương (nước muối với vài cọng rau già), hoặc một vài miếng sắn được nấu với muối cho như để làm canh. Họa hoằn, một đôi ba tháng vào các ngày Lễ Tết thì được một chén cơm trắng với hai ba miếng thịt lợn to bằng đốt ngón tay, hoặc một vài miếng thịt trâu từ một con trâu già đã không còn kéo cày nổi hay bị chết vì không chịu nổi cái lạnh mùa đông. Với chế độ ăn uống như vậy mà phải làm việc khổ sai, dẫn đến tình trạng kiệt lực, người nào cũng chỉ

còn da bọc xương. Mỗi buổi chiều hết giờ lao động, anh em tù cởi áo xuống ao tắm, trông như một bầy khi ốm đói.

Tình trạng bệnh tật và không có thuốc men thật là đáng sợ, bệnh kiết lỵ, phù thũng và thỏ huyết rất phổ biến. Đã có một số anh em chết mà anh em tù quen gọi là “quay đầu về núi” vì hầu hết tù nhân chết đều được chôn trên các sườn đồi.

Xin đơn cử một vài cái chết của vài anh mà tôi có dịp ở chung: Thiếu tá Hà Sỹ Phong, phó giám đốc đài phát thanh Tự Do, anh ở cùng đội với tôi, mấy ngày trước anh bị bệnh nên CA cho nghỉ ở nhà trực phòng, sau đó 2 ngày anh được mẹ ở miền Bắc lên thăm. Buổi tối anh cho tôi nửa chén cơm vắt và hai miếng thịt gà kho mặn, anh thì thầm tâm sự: Năm 1954 tôi di cư vào Nam chỉ có một mình, ông bà cụ luyện tiếc tài sản không chịu đi, bố tôi bị đi tẩy não (tù cải tạo) trong đợt cải cách ruộng đất và chết trong tù, bây giờ mẹ tôi đã ngoài 70 tuổi lại phải đi thăm con ở tù.

Đây là lần đầu gặp lại mẹ tôi sau hơn hai mươi năm xa cách. Nói rồi hai hàng nước mắt anh lăn dài trên má. Tôi lí nhí cảm ơn anh về món quà anh đã cho tôi. Sau gần 3 năm tù, đây là lần đầu tiên tôi được thưởng thức một món ăn quá sang trọng như vậy. Tôi xé từng thớ thịt, rồi lại liếm mấy ngón tay, tận hưởng cái hạnh phúc to lớn ấy rồi thiếp dần vào giấc ngủ. Sáng hôm sau khi ra khỏi phòng để đi làm danh thì thiếu một người, tên thường trực thi đua (một tên tù được đưa lên phụ việc đóng mở cửa và kiểm soát anh em) đi vào thì phát hiện anh Phong đã mê man.

Chúng tôi vội công anh lên trạm xá nhưng anh đã chết vài giờ sau đó. Ít ngày sau lại đến anh Trung Tá Lạc, phòng 2 Bộ tư lệnh Quân Đoàn II. Một buổi chiều sau khi lao động về, anh Lạc ghé sang khu tôi ở, móc trong túi ra một cái bánh chưng đưa cho tôi và nói: Hai cháu nó mới ra thăm, cả hai đều được đi dạy học lại và là “giáo viên tiên tiến” nên được cho ra thăm “lăng Bác”. Nó tìm lên thăm, mua cho ít quà, chú dùng cái bánh chia vui với tôi, mấy ngày nữa các cháu sẽ lại lên thăm tôi lần nữa.

Tôi đón cái bánh chưng to bằng cái bánh trung thu và lí nhí cảm ơn anh rồi vội chia tay, vì sợ tụi cán bộ trông thấy sẽ ghép tôi quan hệ trái phép, v.v.. Quả thật những lúc đói khát khó khăn thế này mới thấy cái tình dành cho nhau nó to lớn và sâu đậm. Nhưng rồi không may cho anh, hai hôm sau anh đã chết ngay tại hiện trường lao động không kịp gặp lại các con. Giữa năm 1978 vì đói khát suy dinh dưỡng, cộng thêm cơn sốt vàng da đã khiến tôi kiệt lực, thân thể chỉ còn trên 30kg. Tôi không còn bước đi được nữa, mà chỉ có thể bò được vài ba thước, tôi được đưa xuống trạm xá nằm trong “danh sách chờ”. Tại đây đã có anh Tư, anh là người hạm trưởng đã sang Singapore rồi lại quay về, anh bị bệnh phù thũng lại thêm phần ân hận vì đã quay về để rồi bị đi tù mút chỉ, nên chỉ ít ngày thì anh chết. Rồi đến Trung Tá Mai Xuân Hậu, Tỉnh trưởng Kontum, Thiếu Tá Đặng Bình Minh lái trực thăng cho Tổng Thống Thiệu, Trung Tá Lý. Dường như chẳng còn ai

quan tâm đến cái chết, chẳng thể mà vẫn còn nói đùa: “ĐM mày qua mặt tao mà điu bóp còi”. Cũng thời gian này, có một bài hát đã được anh sáng tác tôi vẫn còn nhớ được ít câu:

*“Rồi một ngày mai không có anh, em không còn phải nhớ phải mong - Rồi một ngày mai thân xác anh quay đầu về núi - Cô đơn ngồi khóc một mình - Không một lần kịp vuốt mắt anh - Ôi mây lang thang về phía trời xa vời, nhìn trông theo cánh chim từng đàn, để mình ta với bao ngày tháng xanh rêu, bụi thời gian lấp kín hồn mình, đón đau trong lòng mà nhớ về nơi xa, ôi ngày về còn dài bao lâu - Rồi một ngày mai anh chết đi, em không còn phải khóc phải thương - Rồi một ngày mai thân xác anh đi vào lòng đất, cô đơn phủ kín đời mình. “ Không một lần kịp nói tiếng yêu.”*

Nhưng rồi may mắn hơn, số tôi chưa tới, nên căn bệnh sốt vàng da không biết có phải nhờ ba cái lá ôi, lá xoan hay không, mà tự nhiên biến mất. Và may mắn thay, nhờ mảnh giấy tôi gửi lên về qua một chị ra thăm chồng, tuy bị tội công an phát giác, nhưng chị cũng đã nhớ cái địa chỉ ở Biên Hòa, nên chị đã đi tìm báo cho gia đình tôi biết. Nhờ vậy, cuối năm 1979 mẹ tôi và vợ con tôi ra thăm, tên Vinh, cán bộ giáo dục của trại trước khi tôi ra gặp đã chỉ cho tôi gặp 5 phút vì tôi đã gửi lên thư, nhưng tên công an dắt tôi ra đã cho tôi gặp gần một giờ. Gặp lại mẹ và vợ con sau hơn 4 năm chỉ biết khóc. Chị nói được vài câu thì đã hết giờ, tôi đứng dậy chào từ biệt, lòng buồn rã rượi, rồi chống gậy lom khom lết về trại, một tên tù hình sự được chỉ định giúp tôi đẩy cái xe cải tiến chở đồ thăm nuôi vào trại. Nhờ chuyến ra thăm này mà tôi dần dần hồi phục, lúc này mỗi tuần đều có một vài anh em “quay đầu về núi”. Cái đồi sắn ở phía đội 12 sau hơn hai năm đã có gần 300 anh em tù chính trị được chôn ở đó.

Gần tết năm 1979 tôi chuyển sang đội 17 lâm sản, chuyên đi lấy củi để sử dụng cho bếp trại, thời gian này do áp lực của quốc tế, nên chúng buộc phải cho gia đình đi thăm nuôi, nên sức khỏe của đa số anh em đã dần dần hồi phục. Một số anh em “con bà phước” cũng được anh em đùm bọc, nên cái bóng thần chết đã bị đẩy lùi.

Hàng đêm tại các phòng, anh em lại tụ tập quanh ngọn đèn dầu với ấm trà cặm tằm, loại trà thật đặc được pha hoàn toàn bằng búp trà “hai tôm một tép” sao sấy cẩn thận, do anh em đội trà lên mang về. Các tay văn nghệ lại bắt đầu tổ chức ca hát nhạc vàng hàng đêm, khiến tụi cán bộ trại điên đầu, chúng bắt đầu cảm thấy hoang mang vì thấy tù càng bị nhốt lâu lại càng ung dung tự tại, không còn hoang mang lo sợ, lại thêm đám cán bộ nhí bắt đầu bị anh em tù thu phục.

Chúng bắt đầu xin anh em chép và dạy cho chúng hát nhạc vàng, có tên còn xin đồ ăn và thuốc hút. Những buổi lên lớp do tên Trung tá Thùy nói chuyện đã bị anh em phản kháng bằng cách vỗ tay và cười, đã làm cho hắn ngượng ngùng. Chẳng hạn như lúc hắn khoác lác về tên Phạm Tuân đã bay Mig 21 lên, rồi tắt máy phục kích ở trong mây, đợi

B52 đến rồi nổ máy tiêu diệt, hay làm phụ lái cho tàu vũ trụ bay lên không gian nghiên cứu bèo hoa dâu để nuôi lợn, v.v.. Rồi sang đến cuối năm 1980 thì cũng chính tin đồn anh em tù sẽ đi Mỹ, phát ra từ trong đám cán bộ, dân chúng quanh vùng quý tù miền Nam và ghét cán bộ ra mặt. Anh em đã san xẻ thuốc men cho dân ốm đau trong vùng, khi đi lao động ngoài Bến Ngọc. Anh em thường gọi đây là công tác dân sự vụ. Một buổi tối cuối năm, sau khi đã điêm danh vào phòng, anh em đang tụ tập đàn hát như thường lệ, lúc keng báo tắt đèn đến giờ ngủ thì tên cán bộ trực tại trại đến cửa phòng nói vọng vào yêu cầu Phan Thanh đội trưởng lâm sản cử 4 người đi “lao động đột xuất”. Thanh, Diệp, Tân và tôi mặc quần áo cho thật ấm và cũng không quên mang theo tấm nylon đề phòng mưa, vì mùa đông miền Bắc thật lạnh, lại thường có mưa phùn. Chúng tôi được lệnh xuống chỗ đội 12 lấy cuốc xẻng và thùng xách nước bỏ lên xe cải tiến đi về phía khu nhà tiếp tân. Tên cán bộ đi theo đưa cho tôi cái đèn bão leo lét. Ngang khu nhà tiếp tân thì đã thấy một thiếu phụ trong bộ đồ tang trắng đang đứng đợi.

Dường như đã được sắp xếp, người thiếu phụ lặng lẽ đi theo, tên cán bộ ra lệnh cho chúng tôi đi ra khu nghĩa địa. Đến nơi, hẳn bảo chúng tôi đi tìm mộ của *Trần Thiên Thọ Hải*. Chúng tôi nhớ ra đại úy Hải chết vào đợt những anh em đầu tiên năm 1977, như vậy là nằm ở sâu trong cùng sát chân đồi. Sau gần 15 phút chúng tôi đã tìm được ngôi mộ của anh với tấm bia chỉ nhỏ bằng tờ giấy học trò ghi lờ mờ, còn nắm đất thì chỉ cao hơn mặt đất chừng một tấc. Chúng tôi được lệnh là đào để bốc cốt cho chị mang về trong Nam. Việc đầu tiên là tìm một ít cành khô để đốt một đồng lửa sưởi ấm và lấy ánh sáng, chị bắt đầu lấy ra một bó nhang đốt lên rồi quỳ xuống vái ba lạy. Chăm nguyên bó nhang chị thỏn thức khóc và nằm phủ phục lên ngôi mộ. Dưới ánh lửa tôi thấy thiếu phụ còn rất trẻ chỉ khoảng dưới 30, nét mặt xương xương.

Chúng tôi đứng lặng yên tôn trọng nỗi đau của chị, cho đến khi tên cán bộ yêu cầu chúng tôi “khẩn trương” bắt tay vào việc, vì trời đã lâm râm mưa phùn. Chúng tôi dìu chị đứng dậy sang bên cạnh và bắt đầu đào. Chỉ không đầy 20 phút chúng tôi đã đục lớp ván đã mục, vì khi tù nhân chết thì chỉ được bỏ vào cái quan tài nhỏ vừa khít người được đóng bằng loại gỗ bạch đàn hay bồ đề, một loại cây được trồng để làm giấy, nên rất nhẹ xốp, được xẻ thành từng thanh và đóng hờ như cái vạt giường, nên thấy cả xác nằm bên trong và đám tù hình sự khi đi chôn thì chỉ đào sâu khoảng 4 tấc rồi vùi lấp qua loa. Gỡ lớp ván trên mặt, bên trong là bộ quần áo tù đã rữa nát. Tôi đi xách một thùng nước ở dưới ruộng để rửa cho sạch đất, người thiếu phụ cũng đã lấy ra một cái thau nhựa và đổ vào đó một ít rượu. Chúng tôi cẩn thận nhặt từng cái xương rữ cho bớt đất, rửa cho sạch rồi trao cho chị. Chị cầm từng cái rửa trong rượu, rồi bỏ vào cái bịch nylon hai lớp. Chị đưa cho chúng tôi mỗi người một gói thuốc Tam Đảo rồi vừa làm chị vừa tâm sự: Giữa năm 1979, em có xin phép ra thăm, nhưng khi đến trại thì họ nói là không có anh Hải ở đây, nhưng ít tháng sau thì em được tin anh Hải đã chết từ năm 1977, do một chị bạn ra thăm chồng về cho biết.

Như vậy là họ đã dấu nhem không báo cho gia đình, mới đây một người mách bảo cho em ra Bộ Nội Vụ ngoài Hà Nội làm đơn xin bóc cốt, sau mấy lần làm đơn cuối cùng họ đã phải cho. Nhưng khi đến đây thì họ chỉ cho làm vào ban đêm và sau khi xong, họ không cho em ở lại nhà tiếp qua đêm với lý do là ô ứ. Sau gần một giờ, thấy có thể đã không còn sót cái xương nào, chúng tôi bảo chị để tránh rắc rối chị không nên mặc bộ đồ tang này. Chúng tôi lấy bộ quần áo tang quần quanh cái bao nylon đựng cốt bỏ vào cái bao cói lớn rồi lấy sợi dây chuối khô khâu miệng lại để không ai nhìn thấy. Trên đường về trại, lúc đến chỗ rẽ, chị lý nhí vừa thỏn thức khóc vừa cảm ơn rồi dúi vào tay chúng tôi mấy gói thuốc còn lại. Nhìn người thiếu phụ tay xách cái bao cói đựng cốt chồng, lặng lẽ đi trong đêm, trên con đường rừng cô quạnh, khiến chúng tôi vô cùng thương cảm, ngậm ngùi, đứng trông theo.

Bỗng sự uất ức trào lên rồi không nén lại được, tôi thốt lên trong kẽ răng: ĐM. Chúng mày rồi sẽ phải trả giá cho hành động này! Chúng tôi đi vào theo cửa hông của cổng trại, rồi lặng lẽ đi về phòng. Tên thường trực thi đua đã đứng đợi sẵn để mở cửa.

Đã quá nửa đêm, cái lạnh đã thấm sâu vào người, nằm co quắp dưới lớp chăn mỏng, tôi thầm ái ngại cho số phận của người đàn bà bất hạnh. Chị mang cốt chồng đi giữa đêm trời giá lạnh của vùng rừng núi Việt Bắc, như người vợ, người mẹ Việt Nam đang mang nỗi đau, nỗi bất hạnh của cả một dân tộc đi trong đêm tối bão bùng.